

Số: 2392 /QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên đại học chính quy
học kì 1 năm học 2026-2027**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-ĐHTM ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định thu chi nội bộ trong Trường Đại học Thương mại; được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 1528/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 08 năm 2025 và Quyết định số 1116/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 05 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-ĐHTM-CTSV ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành "Quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên chính quy trình độ đại học Trường Đại học Thương mại";

Căn cứ kết luận cuộc họp của thường trực Hội đồng xét miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập Trường Đại học Thương mại ngày 30 tháng 9 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí học kì I năm học 2026-2027 cho 277 sinh viên đại học chính quy khóa 59, 60, 61.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các phòng: Công tác Sinh viên, Kế hoạch Tài chính, Trưởng các Khoa/Viện quản lý sinh viên chính quy; các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, P.CTSV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI

PGS, TS Bùi Hữu Đức

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ
HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2026-2027**

(Kèm theo quyết định số 2392 /QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 09 năm 2026)

TT	LỚP	MSV	HỌ VÀ TÊN	Dân tộc	ĐỐI TƯỢNG	GHI CHÚ
1	K59CD2	23D121089	Trần Văn Quang	Mường	Hộ cận nghèo 2026	
2	K59A3	23D100154	Quang Thị Út	Thái	Hộ nghèo 2026	
3	K59DC1	23D270002	Hoàng Anh	Cao Lan	Hộ nghèo 2026	
4	K59S4	23D190185	Lục Thị Thu	Nùng	Hộ cận nghèo 2026	
5	K59I4	23D140207	Âu Thị Mến	Sán Dìu	Hộ cận nghèo 2026	
6	K59D1	23D150043	Phùng Thị Trang	Dao	Hộ nghèo 2026	
7	K59C4	23D120189	Đào Thị Hồng Thêu	Mường	Hộ nghèo 2026	
8	K59DK2	23D290069	Hoàng Thị Hồng	Cao Lan	Hộ cận nghèo 2026	
9	K59Q2	23D105068	Vì Thị Bích Nhuận	Thái	Hộ nghèo 2026	
10	K59S1	23D190035	Lò Thị Tuyết Nhung	Thái	Hộ cận nghèo 2026	
11	K59BKS1	23D110051	Hà Ngọc Trâm	Hoa	Hộ cận nghèo 2026	
12	K59BKS2	23D110066	Hà Thị Xuân Diệu	Tày	Hộ cận nghèo 2026	
13	K59BLH1	23D250042	Nông Minh Thụy	Tày	Hộ cận nghèo 2026	DBĐH
14	K59I1	23D140037	Vũ Ngọc Minh	Mường	Hộ nghèo 2026	
15	K59BLH1	23D250049	Lý Tiểu Viên	Dao	Hộ nghèo 2026	
16	K59I2	23D140073	Trương Thị Giang	Sán Dìu	Hộ nghèo 2026	
17	K59S1	23D190021	Triệu Phúc Hương	Dao	Hộ cận nghèo 2026	
18	K59LQ3	23D300142	Lữ Thị Xoan	Thái	Hộ cận nghèo 2026	
19	K59U3	23D210111	Trương Thị Hường	Hoa	Hộ cận nghèo 2026	
20	K59QT2	23D107076	Lục Thị Thảo Hiền	Nùng	Hộ nghèo 2026	
21	K59DK2	23D290096	Sôi Thị Phương Thảo	Thái	Hộ nghèo 2026	DBĐH
22	K59S2	23D190077	Hoàng Đức Mạnh	Tày	Hộ cận nghèo 2026	DBĐH
23	K59S2	23D190064	Trần Đại Hiệp	Mường	Hộ nghèo 2026	DBĐH
24	K59DK1	23D290050	Đặng Thanh Tùng	Dao	Hộ nghèo 2026	DBĐH
25	K59V1	23D400004	Nông Phương Diệp	Nùng	Hộ cận nghèo 2026	DBĐH
26	K59H2	23D180054	Triệu Tiến Đạt	Nùng	Hộ cận nghèo 2026	
27	K59PQ2	23D201070	Chu Thị Thu Thúy	Tày	Hộ nghèo 2026	DBĐH
28	K59N5	23D170233	Phùng Thị Thùy Dương	Tày	Hộ nghèo 2026	DBĐH
29	K59D4	23D150146	Lương Thị Giao	Thái	Hộ cận nghèo 2026	

TT	LỚP	MSV	HỌ VÀ TÊN	Dân tộc	ĐỐI TƯỢNG	GHI CHÚ
30	K59BLN1	23D252025	Có Gử Mờ	Hà Nhi	Hộ nghèo 2026	
31	K59S4	23D190172	Dương Văn Nam	Mường	Hộ cận nghèo 2026	
32	K60F5	24D160249	Hoàng Hương Trà My	Nùng	Hộ cận nghèo 2026	
33	K60QT4	24D107209	Hoàng Thị Tươi	Sán Diu	Hộ cận nghèo 2026	
34	K60IK4	24D145182	Sần Giờ Sừ	Hà Nhi	Hộ nghèo 2026	
35	K60V2	24D400112	Nguyễn Hoàng Tú	Mường	Hộ cận nghèo 2026	
36	K60AS3	24D109093	Xông Anh Đức	Hmông	Hộ nghèo 2026	
37	K60D1	24D150007	Phạm Thị Dung	Tày	Hộ nghèo 2026	
38	K60DDI1	24D156017	Trần Thị Thu Hiền	Tày	Hộ nghèo 2026	
39	K60DK3	24D290150	Trần Thị Phương Thảo	Mường	Hộ nghèo 2026	
40	K60EK2	24D260062	Triệu Thị Hoan	Dao	Hộ cận nghèo 2026	
41	K60HC2	24D280056	Hoàng Thị Hồng	Tày	Hộ cận nghèo 2026	
42	K60QT4	24D107174	Lý Thị Hoa	Tày	Hộ cận nghèo 2026	
43	K60IK3	24D145131	Đào Bích Phượng	Mường	Hộ cận nghèo 2026	
44	K60T2	24D220082	Bùi Thị Phương	Mường	Hộ cận nghèo 2026	
45	K60BKS2	24D110074	Nguyễn Trà My	Bố Y	DT rất ít người	
46	K61QTI2	25D104089	Triệu Phương Tranh	Dao	Hộ cận nghèo 2026	
47	K61AS2	25D109071	Lầu Bá Duy	Hmông	Hộ cận nghèo 2026	
48	K61E4	25D130190	Chu Ánh Nguyệt	Nùng	Hộ cận nghèo 2026	DBĐH
49	K61HT1	25D187010	Bùi Thị Thu Hà	Mường	Hộ cận nghèo 2026	
50	K61BLH3	25D250102	Lường Thị Mai Loan	Thái	Hộ cận nghèo 2026	
51	K61DC2	25D270052	Nông Thị Hiền	Nùng	Hộ cận nghèo 2026	
52	K61DKI2	25D291070	Lã Thanh Thảo	Tày	Hộ cận nghèo 2026	

(Danh sách gồm 52 sinh viên)

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ
HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2026 - 2027**

(Kèm theo quyết định số 2392/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 09 năm 2026)

TT	LỚP	MSV	HỌ VÀ TÊN	DÂN TỘC	ĐỐI TƯỢNG	HỌ KHẨU
1	K59N1	23D170003	Ngô Thị Phương Anh	Hoa	VĐBKK	Thôn Khả Lã 2, xã Đèo Gia, tỉnh Bắc Ninh
2	K59P2	23D200065	Nịnh Thị Mai Linh	Cao Lan	VĐBKK	Thôn Rừng Long, Lục Sơn, Bắc Ninh
3	K59CC1	23D122024	Lý Thị Thu Huế	Nùng	VĐBKK	Thôn Bán Huân, xã Tân Văn, tỉnh Lạng Sơn
4	K59CC2	23D122050	Hoàng Thị Quỳnh Anh	Tày	VĐBKK	Thôn còn nưa, xã Tân Văn, tỉnh Lạng Sơn
5	K59S2	23D190097	Ma Bảo Việt	Nùng	VĐBKK	Đồng Dau, Tân Sơn, Bắc Ninh
6	K59F2	23D160090	Giàng A Nhà	Mông	VĐBKK	Bản Nà Khum, Khun Há, Lai Châu
7	K59I3	23D140136	Lã Quang Hiến	Dao	VĐBKK	Thôn Hồ Lao, Lục Sơn, Bắc Ninh
8	K59BKS3	23D110151	Nông Thanh Nhã	Nùng	VĐBKK	Xóm Nà Luông, xã Đông Khê, Cao Bằng
9	K59BKS2	23D110101	Nguyễn Phương Thảo	Tày	VĐBKK	Thôn Xá Thị, xã Hồng Thái, Tuyên Quang
10	K59LQ1	23D300045	Bùi Huệ Trúc	Mường	VĐBKK	Xóm Cù, xã Mường Động, Phú Thọ
11	K59AS2	23D109074	Vũ Anh Quân	Mường	VĐBKK	Khu Đồng Đàm, xã cự Đồng, Phú Thọ
12	K59A4	23D100155	Âu Minh Anh	Nùng	VĐBKK	Xóm 2, xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
13	K59N4	23D170199	Tô Thị Thanh Mơ	Tày	VĐBKK	Xóm Bản Ngay, xã Hạ Lang, Cao Bằng
14	K59D4	23D150176	Hoàng Doãn Toàn	Tày	VĐBKK	Xóm 1 xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
15	K59EK1	23D260017	Phạm Ngọc Khuê	Cao Lan	VĐBKK	Thôn Tổng Mọc, Xã Yên Lập, Tuyên Quang
16	K59A2	23D100093	Trương Quang Sơn	Hoa	VĐBKK	Thôn Cốc Púl, xã Trung Thịnh, Tuyên Quang
17	K59HC2	23D280078	Hoàng Lan Phương	Tày	VĐBKK	Thôn Trung Tâm, xã Nghĩa Tâm, Lào Cai
18	K59T1	23D220010	Hoàng Minh Chiến	Tày	VĐBKK	Thôn Vằng Kê, xã Phúc Lộc, tỉnh Thái Nguyên
19	K59I4	23D140216	Triệu Minh Quang	Nùng	VĐBKK	Thôn Trại Hồng Nam, Xã Đồng Kỳ, tỉnh Bắc Ninh
20	K59U2	23D210061	Lương Thanh Hoa	Thái	VĐBKK	Bản Ngọn Pạn, xã Mường Chộng, Nghệ An
21	K59EK2	23D260052	Lò Thị Hóa	Thái	VĐBKK	Bản Na Pheo, xã Na Sang, Điện Biên
22	K59P3	23D200118	Đỗ Huyền Trang	Tày	VĐBKK	Thôn Đức Uy, Xã Trung Sơn, Tuyên Quang
23	K59LQ1	23D300029	Ma Thị Yến Nhi	Dao	VĐBKK	Thôn Tằng, xã Minh Quang, Tuyên Quang
24	K59F6	23D160295	Vi Thị Hoài Phương	Thái	VĐBKK	Bản Côn Xảo, Mường Chộng, Nghệ An
25	K59I1	23D140050	Mã Anh Thư	Nùng	VĐBKK	Xóm Nà Giàng, xã Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng
26	K59CD1	23D121023	Nguyễn Thị Hương Lan	Nùng	VĐBKK	Thôn Pác Khuông, Thiện Thuật, Lạng Sơn
27	K59U3	23D210139	Hà Thảo Vy	Tày	VĐBKK	Xóm Nà Ảng, xã Thạch An, Cao Bằng
28	K59H2	23D180056	Bùi Thị Ngọc Hà	Mường	VĐBKK	Thôn Chòm Mốt, xã Quý Lương, Thanh Hóa
29	K59U3	23D210122	Bản Minh Nghĩa	Dao	VĐBKK	Thôn Đồng Vành 2, xã Lục Sơn, Bắc Ninh
30	K59BLH1	23D250033	Nguyễn Thị Nhung	Mường	VĐBKK	Khu Dành, xã Hương Cầm, tỉnh Phú Thọ
31	K59I5	23D140243	Hà Thu Hà	Mường	VĐBKK	Khu Chiềng Lớn, xã Lai Đồng, Phú Thọ
32	K59U5	22D210038	Bùi Thị Ngọc Bích	Thái	VĐBKK	Bản Phầy Thái Minh, xã Tiên Đồng, Nghệ An
33	K59EE1	23D131021	Nguyễn Nhật Lệ	Mường	VĐBKK	Khu Xem, xã Cự Đồng, Phú Thọ
34	K59E2	23D130083	Dương Thị Hồng Nhung	Tày	VĐBKK	Thôn Cầu Hin, xã Vũ Lăng, Lạng Sơn
35	K59BLN2	23D252080	Hoàng Thị Như Quỳnh	Tày	VĐBKK	Thôn Bản Dù, xã Chiến Thắng, Lạng Sơn
36	K59HC2	23D280091	Nguyễn Lương Văn	Tày	VĐBKK	Thôn Đon Bả, xã Lâm Bình, Tuyên Quang

TT	LỚP	MSV	HỌ VÀ TÊN	DÂN TỘC	ĐỐI TƯỢNG	HỌ KHẨU
37	K59S2	23D190095	Hoàng Thị Phương Uyên	Mường	VĐBKK	Bản Chiềng Manh, xã Mường Bang, Sơn La
38	K59F2	23D160079	Đinh Mỹ Liên	Tày	VĐBKK	Xóm Bắc Hồng 1, xã Bế Văn Đàn, Cao Bằng
39	K59UU1	23D211011	Nguyễn Ngọc Hà	Thái	VĐBKK	Tiểu khu Mo Nghè 2, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
40	K59D1	23D150032	Trần Phúc Hồng Ngọc	Mường	VĐBKK	Khu Chiềng 2, xã Xuân Đài, Phú Thọ
41	K59H1	23D180026	Vì Tuấn Minh	Thái	VĐBKK	Tiểu Khu 5, xã Phù Yên, Sơn La
42	K59LQ4	23D300173	Nguyễn Thanh Phương	Mường	VĐBKK	Khu Bông 1, xã Long Cốc, Phú Thọ
43	K59LQ3	23D300128	Lưu Văn Quân	Nùng	VĐBKK	Thôn Dọc Đình, xã Biện Sơn, Bắc Ninh
44	K59F5	23D160238	Vì Trà My	Nùng	VĐBKK	Thôn Phố Chợ, Tân Sơn, Bắc Ninh
45	K59T2	23D220075	Triệu Bích Thủy	Nùng	VĐBKK	Xóm Bàn Cái, Xã Nguyễn Huệ, Cao Bằng
46	K59I1	23D140055	Đặng Xuân Tùng	Nùng	VĐBKK	Thôn Nà Ao, xã Trảng Định, Lạng Sơn
47	K59I2	23D140091	Nguyễn Thị Lương	Mường	VĐBKK	Thôn Đồng Thóc, Thạch Quảng, Thanh Hóa
48	K59BLH1	23D250027	Bùi Thị Trà My	Thái	VĐBKK	Bản Đồng Tâm, xã Mậu Thạch, Nghệ An
49	K59T2	23D220042	Nguyễn Hoàng Anh	Tày	VĐBKK	Xóm Đồng Giang 1, xã Nam Tuấn, Cao Bằng
50	K59LQ4	23D300178	Hoàng Phúc Tấn	Tày	VĐBKK	Xóm Hòa Nam, xã Quảng Uyên, Cao Bằng
51	K59H2	23D180090	Hoàng Ánh Tuyết	Hoa	VĐBKK	Thôn Cầu Vòng, xã Biện Động, Bắc Ninh
52	K59CD2	23D121101	Hoàng Đức Tùng	Nùng	VĐBKK	Thôn Khu Chợ, Xuân Dương, Thái Nguyên
53	K59BLN1	23D252045	Trương Thị Kiều Vân	Nùng	VĐBKK	Thôn Nà Khàn, xã Khánh Khê, Lạng Sơn
54	K59A2	23D100075	Vì Quốc Khánh	Tày	VĐBKK	Xóm 2, Bảo Lâm, Cao Bằng
55	K59LQ3	23D300116	Khà Hoàng Linh	Thái	VĐBKK	Xóm Xô, xã Mai Châu, Phú Thọ
56	K59D4	23D150170	Âu Thị Quế	Nùng	VĐBKK	xóm Xuân Thắng, xã Kim Đồng, tỉnh Cao Bằng
57	K59SN1	23D192017	Vũ Minh Hiếu	Tày	VĐBKK	Thôn Nà Cườm, xã Phong Quang, Thái nguyên
58	K59D2	23D150078	Vì Thảo Nhung	Tày	VĐBKK	Thôn số 5, xã Sơn Động, Bắc Ninh
59	K59D3	23D150096	Viên Quỳnh Anh	Tày	VĐBKK	Thôn Tam Sơn 3, xã Quán Bạ, Tuyên Quang
60	K59BKN1	23D112039	Hà Thị Phương Uyên	Thái	VĐBKK	Xóm Vế, xã Bao La, Phú Thọ
61	K59H3	23D180140	Phan Thị Tố Uyên	Tày	VĐBKK	Xóm Hồng Định VI, Hạnh Phúc, Cao Bằng
62	K59H2	23D180072	Cổ Ngọc Mai	Thái	VĐBKK	Thôn 2, xã Mù Cang Chải, Lào Cai
63	K59BKN2	23D112070	Bùi Lệ Phương	Mường	VĐBKK	Xóm Chạo, xã Dũng Tiến, Phú Thọ
64	K59I5	23D140265	Giàng Quỳnh Minh	Mông	VĐBKK	Thôn Mù Tráng Phìn, xã Si Ma Cai, Lào Cai
65	K59T1	23D220019	Đặng Mai Linh	Dao	VĐBKK	Thôn Vũ hải Đường, xã Kiên Đài, Tuyên Quang
66	K59I3	23D140157	Tổng Như Ngọc	Mường	VĐBKK	Thôn 3, xã Mường Lát, Thanh Hóa
67	K59F2	23D160071	Đieu Chính Hoàng	Thái	VĐBKK	Tiểu khu 2, xã Quỳnh Nhai, Sơn La
68	K59N2	23D170070	Lý Việt Hà	Giáy	VĐBKK	Thôn Giàng Tả Chải, Tả Van, Lào Cai
69	K59F1	23D160044	Bùi Thị Hạnh Thu	Mường	VĐBKK	Xóm Đồng Cài, xã Quyết Thắng, Phú Thọ
70	K59F1	23D160011	Nguyễn Hồng Điệp	Mường	VĐBKK	Xóm Mu, xã Khả Cửu, Phú Thọ
71	K59BKN2	23D112041	Lê Thị Huyền Anh	Mường	VĐBKK	Thôn Chí Linh, xã Linh Sơn, Thanh Hóa
72	K59U3	23D210136	Hà Thị Hương Trà	Tày	VĐBKK	Xóm Sóc Giang, xã Trường Hà, Cao Bằng
73	K59N2	23D170098	Dương Minh Quang	Mường	VĐBKK	Khu Đầm Mười, xã Văn Miếu, Phú Thọ
74	K59A3	23D100139	Phạm Thị Hồng Ngọc	Tày	VĐBKK	Thôn Néo, xã Tây Yên Tử, Bắc Ninh
75	K59F1	23D160001	Hứa Hoàng An	Nùng	VĐBKK	Thôn Nà Lộc, xã Văn Quan, Lạng Sơn
76	K59BKS2	23D110062	Vũ Thị Minh Ánh	Hmông	VĐBKK	Thôn 3, xã Sìn Hồ, Lai Châu
77	K59BLN1	23D252013	Vì Lương Thị Hoài	Thái	VĐBKK	Thôn Mai Thắng, Như Xuân, Thanh Hóa
78	K59S4	23D190150	Vì Thị Ngọc Diệp	Thái	VĐBKK	Bản Chộng Bùng, Mường Chộng, Nghệ An
79	K59LQ1	23D300010	Nông Bằng Giang	Tày	VĐBKK	xóm 2 xã Đông Khê, Cao Bằng
80	K59DD2	23D155070	Lương Minh Hiếu	Thái	VĐBKK	Thôn Yên Bình, xã Như Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

TT	LỚP	MSV	HỌ VÀ TÊN	DÂN TỘC	ĐỐI TƯỢNG	HỌ KHẨU
81	K59BKS1	23D110030	Hoàng Thị Quỳnh Liên	Tày	VĐBKK	Thôn Giàng, xã Văn Bản, tỉnh Lào Cai
82	K59H1	23D180018	Điêu Thị Thanh Hương	Thái	VĐBKK	Bản Nà Dân, xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu
83	K59A2	23D100070	Trần Huy Hoàng	Mường	VĐBKK	Phố Thống Nhất, xã Lạc Sơn, tỉnh Phú Thọ
84	K59V2	23D400068	Xa Thị Thùy Linh	Mường	VĐBKK	Thôn Châu Mạ, xã Đà Bắc, tỉnh Phú Thọ
85	K59U2	23D210056	Bùi Thị Ngân Giang	Mường	VĐBKK	Thôn An Thịnh, Xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ
86	K59I2	23D140062	Lệnh Minh Ánh	Tày	VĐBKK	Thôn Tam Sơn 3, xã Quán Bạ, Tuyên Quang
87	K59I3	23D140148	Trương Thị Khánh Linh	Mường	VĐBKK	Thôn Lương Ngoại, xã Quý Lương, tỉnh Thanh Hóa
88	K59H3	23D180099	Ma Thị Diệp	Tày	VĐBKK	Thôn Minh Đức, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
89	K59AA2	23D108076	Võ Minh Nhật Linh	Thái	VĐBKK	Thôn Cảnh Năng, xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
90	K59U1	23D210007	Bùi Gia Bình	Mường	VĐBKK	Xóm Mường Lỗ, xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ
91	K59D2	23D150076	Bùi Thị Nga	Mường	VĐBKK	Thôn Mường Sóng, xã Toàn Thắng, tỉnh Phú Thọ
92	K59F3	23D160140	Cầm Bá Nhất	Thái	VĐBKK	Thôn Tiến Hưng, xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa
93	K59BLH1	23D250010	Phùng Thị Chinh	Nùng	VĐBKK	Thôn Cầu Đá, xã Tam Tiến, tỉnh Bắc Ninh
94	K59BKS3	23D110130	Hoàng Thị Hồng Huệ	Tày	VĐBKK	Xóm Ngọc Thượng, xã Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng
95	K59T1	23D220011	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Mường	VĐBKK	Thôn Quang Trung, xã Cao Dương, tỉnh Phú Thọ
96	K60A1	24D100046	Triệu Thị Mỹ Thư	Tày	VĐBKK	Thôn 3, xã Tân Long, tỉnh Tuyên Quang
97	K60BKN1	24D112024	Phạm Thùy Linh	Mường	VĐBKK	Gò Chè, xã Hợp Kim, tỉnh Phú Thọ
98	K60BKS3	24D110112	Bùi Đoàn Tân Huyền	Mường	VĐBKK	Thôn Hoa Lư, xã Kim Bôi, tỉnh Phú Thọ
99	K60BLH1	24D250002	Hoàng Nguyễn Trường An	Giáy	VĐBKK	thôn Luồng Đơ, xã Cốc San, tỉnh Lào Cai
100	K60C2	24D120053	Nguyễn Đăng Anh	Nùng	VĐBKK	Xóm Vân Trung, xã Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng
101	K60CD1	24D121004	Lang Thị Yến Chi	Thái	VĐBKK	Bắc Sơn, xã Môn Sơn, tỉnh Nghệ An
102	K60CD2	24D121050	Vì Mạnh Cường	Thái	VĐBKK	Bản Khum, xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
103	K60CD2	24D121082	Bùi Anh Thư	Mường	VĐBKK	Thôn Hồi Phú, xã Thành Vinh, tỉnh Thanh Hóa
104	K60CD3	24D121094	Bùi Hải Đông	Mường	VĐBKK	Xóm Vồ, xã Kim Bôi, tỉnh Phú Thọ
105	K60CD3	24D121096	Lương Minh Hạnh	Tày	VĐBKK	Xóm 6 Bể Triều, xã Hòa An, tỉnh Cao Bằng
106	K60D3	24D150100	Hoàng Minh Huân	Tày	VĐBKK	Thôn Trung Tâm, xã Chiến Thắng, tỉnh Lạng Sơn
107	K60A5	24D100205	Nông Thị Mai An	Tày	VĐBKK	Xóm Huyền Du, Xã Hạ Lang, Tỉnh Cao Bằng
108	K60DK1	24D290015	Bùi Nhật Hạ	Mường	VĐBKK	Thôn Minh Khai, xã Tân lạc, tỉnh Phú Thọ
109	K60HT2	24D187044	Hoàng Thị Vân Anh	Tày	VĐBKK	Thôn Bản Khuông, xã Tân Trĩ, tỉnh Lạng Sơn
110	K60I2	24D140095	Cổ Thị Yến Nhi	Tày	VĐBKK	Thôn Sơn Thượng, Xã Lâm Thượng, tỉnh Lào Cai
111	K60F3	24D160135	Lý Thị Ngọc Linh	Dao	VĐBKK	Thôn Nà Cốc, xã Thạch An, tỉnh Cao Bằng
112	K60U1	24D210032	Hà Ngọc Oanh	Thái	VĐBKK	Thôn Hào, xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hóa
113	K60E1	24D130055	Đặng Triệu Vi	Nùng	VĐBKK	Xóm Co Sầu 1, xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
114	K60E2	24D130097	Bùi Thị Lan Phương	Mường	VĐBKK	Xóm Mên Liên Kết, xã Yên Trị, tỉnh Phú Thọ
115	K60EEI3	24D135137	Bùi Huyền Vy	Mường	VĐBKK	Xóm Đoàn Kết, xã Yên Trị, tỉnh Phú Thọ
116	K60EK3	24D260116	Vương Diệu Linh	Thái	VĐBKK	Thôn 3, xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
117	K60QT4	24D107167	Đặng Thị Chung	Dao	VĐBKK	Thôn Bản Nhùng, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
118	K60F1	24D160018	Bùi Thị Ngọc Hoa	Mường	VĐBKK	Xóm Phán Chuông, xã Quyết Thắng, tỉnh Phú Thọ
119	K60F2	24D160063	Bùi Đoàn Yến Chi	Mường	VĐBKK	Tiểu khu 3, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
120	K60F4	24D160211	Lò Thùy Trang	Thái	VĐBKK	Bản Ba Nhất, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
121	K60F5	24D160223	Hoàng Minh Ánh	Nùng	VĐBKK	Bản Cầu Tư, xã Đồng Kỳ, tỉnh Bắc Ninh
122	K60F5	24D160238	Nông Phi Hùng	Tày	VĐBKK	Thôn Pò Đon, xã Na Rì, tỉnh Thái Nguyên
123	K60H2	24D180055	Vì Mạnh Cường	Giáy	VĐBKK	Thôn Tam Sơn 3, xã Quán Bạ, Tỉnh Tuyên Quang
124	K60CD1	24D121012	Lý Thị Mỹ Hạnh	Tày	VĐBKK	Thôn Nà Kén - Nậm Trọ, xã Lâm Thượng, tỉnh Lào Cai

TT	LỚP	MSV	HỌ VÀ TÊN	DÂN TỘC	ĐỐI TƯỢNG	HỌ KHẨU
125	K60DK3	24D290160	Hoàng Thị Xuân	Nùng	VĐBKK	Xóm Cột Phổ, xã Tổng Cột, tỉnh Cao Bằng
126	K60F2	24D160093	Lê Yến Nhi	Tày	VĐBKK	Lam Sơn Hạ, Xã Hòa An, Tỉnh Cao Bằng
127	K60HHI3	24D186136	Nguyễn Phạm Duy Thái	Thái	VĐBKK	Thôn 6, xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hóa
128	K60HHI3	24D186144	Hoàng Thị Ánh Vân	Tày	VĐBKK	Thôn Văm, xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai
129	K60H1	24D180020	Hoàng Thị Kim Lanh	Tày	VĐBKK	Thôn Khuổi Tích, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
130	K60HT1	24D187002	Hoàng Thị Vân Anh	Tày	VĐBKK	Thôn Nà Lầu, xã Thượng Lâm, tỉnh Tuyên Quang
131	K60QT3	24D107122	Phạm Thị Thu Hoài	Mường	VĐBKK	Thôn Duồng Đền, xã Điện Quang, tỉnh Thanh Hóa
132	K60HT3	24D187116	Trịnh Thảo Phương	Cao Lan	VĐBKK	Thôn 5, Xã Tân Long, tỉnh Tuyên quang
133	K60HT3	24D187120	Hà Minh Thành	Thái	VĐBKK	Thôn 1, xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hóa
134	K60A2	24D100099	Bùi Nguyễn Kiều Trinh	Mường	VĐBKK	Rộc khúm, xã Thượng Cốc, tỉnh Phú Thọ
135	K60BLH2	24D250090	Hoàng Thu Thùy	Tày	VĐBKK	Thôn 3 Nhai Thổ, xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai
136	K60BLN1	24D252016	Vũ Xuân Mai	Tày	VĐBKK	Thôn Nà Ca 2, xã Tân Kỳ, tỉnh Thái Nguyên
137	K60CD2	24D121064	Bùi Thị Diệu Linh	Mường	VĐBKK	Xóm Yên Kim, xã Đại Đồng, tỉnh Phú Thọ
138	K60DC1	24D270015	Nguyễn Thu Hương	Tày	VĐBKK	Tiểu khu 3, Xã Nà Phặc, tỉnh Thái Nguyên
139	K60LQ2	24D300096	Nguyễn Ly Trà Sen	Mường	VĐBKK	Khu Đá Bàn 1, xã Minh Hòa, tỉnh Phú Thọ
140	K60LQ3	24D300125	Ma Thu Hằng	Hmông	VĐBKK	Thôn Lũng Pô, xã A Mú Sung, tỉnh Lào Cai
141	K60N1	24D170039	Lâm Thị Lệ Quyên	Nùng	VĐBKK	Thôn Hiệp Lực, xã Hưng Vũ, tỉnh Lạng Sơn
142	K60DK1	24D290048	Nông Thị Thương	Tày	VĐBKK	Xóm Cốc Chia, xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
143	K60N2	24D170093	Lục Thị Phương Thảo	Nùng	VĐBKK	Thôn Nà Chang, xã Quán Bạ, tỉnh Tuyên Quang
144	K60N2	24D170094	Triệu Thị Bích Thảo	Tày	VĐBKK	thôn Bè Chối, xã Lâm Thượng, tỉnh Lào Cai
145	K60N2	24D170097	Lò Hà Thư	Thái	VĐBKK	Xóm Văm, xã Mai Châu, tỉnh Phú Thọ
146	K60N3	24D170154	Vi Đức Tử	Tày	VĐBKK	Thôn Khòn Nà, xã Thống Nhất, tỉnh Lạng Sơn
147	K60N4	24D170167	Dương Thị Duyên	Tày	VĐBKK	Thôn Khang Ninh, xã Ba Bể, tỉnh Thái Nguyên
148	K60DK3	24D290114	Quách Gia Bình	Mường	VĐBKK	Xóm Thang, Xã Mường Vang, tỉnh Phú Thọ
149	K60DK3	24D290159	Nguyễn Khánh Vinh	Tày	VĐBKK	Xóm Đông, Xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An
150	K60Q1	24D105021	Lê Phương Huệ	Mường	VĐBKK	Thôn Khén, xã Nguyệt Án, tỉnh Thanh Hóa
151	K60QT1	24D107010	Hà Xuân Diệu	Tày	VĐBKK	Thôn Phúc An, xã Hòa An, tỉnh Tuyên Quang
152	K60F3	24D160131	Xa Khánh Huyền	Tày	VĐBKK	Xóm Tát, xã Cao Sơn, tỉnh Phú Thọ
153	K60H1	24D180034	Ly Thị Sim	Nùng	VĐBKK	Thôn Đán Khao, xã Pà Vây Sù, tỉnh Tuyên Quang
154	K60HC1	24D280009	Bạch Quý Đạt	Mường	VĐBKK	Bản Nậm Dòn, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu
155	K60QT2	24D107103	Trương Thị Tuyên	Nùng	VĐBKK	Thôn Pò Mã, xã Ba Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
156	K60HC2	24D280075	Lang Việt Thái	Thái	VĐBKK	Bản Ké Bọn, xã Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An
157	K60HT1	24D187043	Đinh Thị Thảo Vy	Mường	VĐBKK	Khu Đồng Đằm, xã Cự Đồng, tỉnh Phú Thọ
158	K60I1	24D140028	Lò Anh Kiệt	Lào	VĐBKK	Bản Na Khoang, xã Mường Nhà, tỉnh Điện Biên
159	K60IK1	24D145001	Bùi Minh Anh	Mường	VĐBKK	Khu Đá Bia, xã Cự Đồng, tỉnh Phú Thọ
160	K60S2	24D190063	Lò Phi Hùng	Thái	VĐBKK	TDP 4, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La
161	K60S3	24D190115	Hà Khánh Linh	Mường	VĐBKK	Khu Xuân Tân, Xã Sơn Lương, tỉnh Phú Thọ
162	K60LQ2	24D300084	Lý Thị Liên	Dao	VĐBKK	Bản Cấn Co, xã Nậm Mạ, tỉnh Lai Châu
163	K60LQ3	24D300123	Nguyễn Trọng Giang	Nùng	VĐBKK	Thôn Biên Sơn, xã Biên Sơn, tỉnh Bắc Ninh
164	K60N1	24D170044	Vi Thị Thủy	Thái	VĐBKK	thôn Đồng Trinh, xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hóa
165	K60T3	24D220106	Đinh Ngọc Hải	Mường	VĐBKK	Khu Cây, xã Thượng Long, tỉnh Phú Thọ
166	K60N2	24D170090	Bùi Linh Phương	Mường	VĐBKK	Xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ
167	K60U2	24D210059	Trần Thu Hà	Tày	VĐBKK	Thôn Bỏ Ba, xã Chấn Thịnh, tỉnh Lào Cai
168	K60U4	24D210183	Lương Thị Thuý	Thái	VĐBKK	Xóm Tân Diên, xã Tiên Đồng, tỉnh Nghệ An

TT	LỚP	MSV	HỌ VÀ TÊN	DÂN TỘC	ĐỐI TƯỢNG	HỌ KHẨU
169	K60N5	24D170216	Đinh Công Bảo	Mường	VĐBKK	Khu Đồng Đầm, xã Cự Đồng, tỉnh Phú Thọ
170	K60V2	24D400070	Lò Thùy Dung	Thái	VĐBKK	Bán Chợ, xã Búng Lao, tỉnh Điện Biên
171	K60QT1	24D107033	Nguyễn Thị Ngân	Mường	VĐBKK	Khu 4, xã Sơn Lương, tỉnh Phú Thọ
172	K60V2	24D400102	Nguyễn Bá Phúc	Mường	VĐBKK	Khu Đồng Tâm, xã Minh Đài, tỉnh Phú Thọ
173	K60QT2	24D107062	Mạc Thị Kim Chi	Nùng	VĐBKK	Thôn Trại Mới, xã Biên Sơn, tỉnh Bắc Ninh
174	K60QT2	24D107088	Nguyễn Khánh Ngọc	Mường	VĐBKK	Đồng Ve, Sơn Lương, Phú Thọ
175	K60QT2	24D107094	Lò Thị Hà Quyên	Thái	VĐBKK	bán Lĩnh Luông, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
176	K60QT2	24D107101	Hoàng Ngọc Trà	Tày	VĐBKK	thôn Nà Pải, xã Tráng Định, tỉnh Lạng Sơn
177	K60QT4	24D107175	Lục Thị Huệ	Nùng	VĐBKK	Lạng Cá, Xã Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng
178	K60S2	24D190051	Lục Thị Kim Chi	Nùng	VĐBKK	Bán Tráng Bẩn, xã Đồng Kỳ, tỉnh Bắc Ninh
179	K60S4	24D190140	Hoàng Quỳnh Anh	Tày	VĐBKK	Thôn Phú Nhuận, xã Diêm He, tỉnh Lạng Sơn
180	K60SN1	24D192042	Lò Thị Ngọc Vy	Thái	VĐBKK	Bán Lẹ, xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La
181	K60T1	24D220010	Triệu Thị Diệu Đào	Nùng	VĐBKK	Thôn Đồng Xe, xã Yên Bình, tỉnh Lạng Sơn
182	K60V2	24D400077	Hà Thu Hằng	Nùng	VĐBKK	Thôn Trại Vành, xã Đồng Kỳ, tỉnh Bắc Ninh
183	K60V2	24D400113	Hoàng Minh Vũ	Tày	VĐBKK	Xóm Bản Cái, Xã Nghinh Tường, tỉnh Thái Nguyên
184	K60SN2	23D192071	Đinh Công Quốc	Mường	VĐBKK	Khu Minh Đức, xã Minh Hòa, tỉnh Phú Thọ
185	K60D3	24D150093	Ngân Gia Đăng	Thái	VĐBKK	Thôn Hùng Thành, xã Thành Bình Thọ, tỉnh Nghệ An
186	K60AS1	24D109011	Hứa Thị Hào	Nùng	VĐBKK	Thác Lười, Tân Sơn, Bắc Ninh
187	K60DK2	24D290094	Xa Nguyễn Mai Phương	Tày	VĐBKK	Xóm Nà Mười, Xã Đức Nhân, tỉnh Phú Thọ
188	K60H1	24D180042	Bùi Tuấn Tú	Mường	VĐBKK	Xóm Cạm Cỏ, xã Mường Động, tỉnh Phú Thọ
189	K60IK2	24D145083	Hoàng Lê Quân	Tày	VĐBKK	Thôn Mạn, xã Sơn Động, tỉnh Bắc Ninh
190	K61A4	25D100232	Hoàng Văn Độ	Nùng	VĐBKK	Thôn Bảo Lâm, xã Tân Văn, tỉnh Lạng Sơn
191	K61AAI3	25D106106	Nguyễn Ngọc Huy	Mường	VĐBKK	Xóm Bãi Chảo, xã Mường Động, Phú Thọ
192	K61QT1	25D107057	Lộc Thị Thu Quyên	Thái	VĐBKK	Bán Lũng, xã Tam Thái, Nghệ An
193	K61BKS1	25D110045	Giàng Thị Súa	Hmông	VĐBKK	Thôn Lao Hàng Chải, xã Tà Van, Lào Cai
194	K61C1	25D120010	Hoàng Khánh Chi	Thái	VĐBKK	Tiểu khu 3, xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La
195	K61C3	25D120131	Bùi Thị Tuyết Chinh	Mường	VĐBKK	Xóm Can Thượng, xã Cao Phong, tỉnh Phú Thọ
196	K61CD3	25D121129	Nông Thị Kim Duyên	Tày	VĐBKK	Xóm Hoà Trung, xã Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng
197	K61CD3	25D121130	Hoàng Khánh Ly	Tày	VĐBKK	Thôn Sơn Thượng, xã Lâm Thượng, Lào Cai
198	K61I2	25D140088	Hoàng Anh Thư	Tày	VĐBKK	Thôn Biêng, xã An Lạc, Bắc Ninh
199	K61IK1	25D145002	Nguyễn Thị Minh Anh	Mường	VĐBKK	Bán Bó, xã Hiền Kiệt, tỉnh Thanh Hoá
200	K61D2	25D150071	Long Thị Thanh	Nùng	VĐBKK	Thôn Bàn Khoang, xã Tân Văn, Lạng Sơn
201	K61D3	25D150118	Mai Thị Ngọc Ánh	Tày	VĐBKK	Thôn Hai, xã Kháng Chiến, tỉnh Lạng Sơn
202	K61F2	25D160087	Phùng Mạnh Tường	Nùng	VĐBKK	xóm Gia Tự, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng
203	K61S4	25D190145	Nông Thị Đoàn	Tày	VĐBKK	Thôn Suối Phầy, Xã Quan Sơn, tỉnh Lạng Sơn
204	K61U3	25D210151	Hoàng Biên Thùy	Thái	VĐBKK	Bán Phù Khả 2, xã Na Ngòi, tỉnh Nghệ An
205	K61U3	25D210159	Lý Xuân Mai	Tày	VĐBKK	Thôn Nhân Lý, xã Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
206	K61EK1	25D260047	Quách Phương Thảo	Mường	VĐBKK	Xóm Tích, xã Yên Trị, tỉnh Phú Thọ
207	K61DC1	25D270039	Ngọc Hải Yến	Tày	VĐBKK	Thôn Làng Chẽ, xã Sơn Động, Bắc Ninh
208	K61DC1	25D270040	Kha Tuấn Sang	Thái	VĐBKK	Bán Lũng, Xã Tam Thái, tỉnh Nghệ An
209	K61DC2	25D270080	Quách Thị Hồng Vân	Mường	VĐBKK	Xóm Rộc, xã Yên Trị, Tỉnh Phú Thọ
210	K61HC1	25D280046	Giá Thị Diệu Lan	Tày	VĐBKK	Thôn Pác Ngòi, xã Ba Bể, tỉnh Thái Nguyên
211	K61DK1	25D290045	Hoàng Man Anh Thơ	Tày	VĐBKK	Phố Hoàng Bó, xã Hoà An, tỉnh Cao Bằng
212	K61LQ3	25D300120	Nguyễn Thị Mai Hoa	Cao Lan	VĐBKK	Bán Đổng Cao, xã Xuân Lương, Bắc Ninh

TT	LỚP	MSV	HỌ VÀ TÊN	DÂN TỘC	ĐỐI TƯỢNG	HỌ KHẨU
213	K61LXI4	25D310152	Lê Mỹ Hà Linh	Mường	VĐBKK	Khu Dát Váo, xã Long Cốc, Phú Thọ
214	K61N4	25D170229	Bùi Thị Hà Vy	Mường	VĐBKK	Xóm Đồng Tâm, xã Tân Lạc, Phú Thọ
215	K61S1	25D190034	Lò Đức Quảng	Thái	VĐBKK	Tổ dân phố Viêng Cống, phường Cầu Thia, tỉnh Lào Cai
216	K61U1	24D210009	Nguyễn Tiến Đạt	Thái	VĐBKK	Thôn 8 xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu
217	K61H2	25D180079	Lục Thị Lan Anh	Tày	VĐBKK	Xóm Kéo Tác, xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
218	K61U3	25D210152	Đỗ Vi Anh Thư	Thái	VĐBKK	Thôn Yên Bình, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa
219	K61H3	25D180098	Lê Thị Hải Lệ	Thổ	VĐBKK	Xóm Lung Hạ, Xã Nghĩa Thọ, tỉnh Nghệ An
220	K61CD3	25D121128	Lương Thị Nhị Tiên	Thái	VĐBKK	Bản Mường Hình, xã Thông Thu, tỉnh Nghệ An

(Danh sách gồm 220 sinh viên)

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 50% HỌC PHÍ
HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2026 - 2027**

(Kèm theo quyết định số 2392/QĐ-DHTM ngày 30 tháng 09 năm 2026)

TT	LỚP	MSV	HỌ VÀ TÊN	ĐỐI TƯỢNG	GHI CHÚ
1	K59PQ2	23D201054	Lê Thị Hồng	Con người bị tai nạn lao động	
2	K60P2	24D200045	Phạm Quỳnh Anh	Con người bị tai nạn lao động	
3	K61F1	25D160043	Hà Yến Vân	Con người bị tai nạn lao động	
4	K61EEI2	25D135076	Bùi Thu Ngân	Con người bị tai nạn lao động	
5	K61N4	25D170205	Nguyễn Thảo Linh	Con người bị tai nạn lao động	

(Danh sách trên gồm 05 sinh viên)

Handwritten signature

CVĐ